

Số: 1474/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 04 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông
giai đoạn 2020-2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ và các quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường được ban hành;

Căn cứ Công văn số 2926/BTNMT-KHTC ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 240/TTr-STNMT ngày 29 tháng 7 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2020-2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế; Trưởng Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Tổng biên tập Báo Đắk Nông; Chủ tịch UBND các huyện, thị

xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(Tha).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Thanh Tùng

KẾ HOẠCH

Bảo vệ môi trường tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2020- 2022

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **1474** /QĐ-UBND ngày **04** tháng **9** năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

Phần I

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH
PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2017-2019**

1. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở địa phương giai đoạn 2017-2019

1.1. Về thực trạng công tác quản lý môi trường của tỉnh

** Thi hành và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

Từ năm 2017 đến ngày 31/7/2019, việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường được tổ chức triển khai đồng bộ và có hiệu quả, đặc biệt tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường, các Nghị định của Chính phủ¹; các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường²; Quyết định số 16/2015/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ và các quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường được ban hành; Ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc về việc giải quyết ô nhiễm môi trường do rác thải nhựa gây ra tại Công văn số 161/LĐCP ngày 25/4/2019 được triển khai đồng bộ. Từ đó, nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng lên, các hoạt động bảo vệ môi trường ngày càng thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và xử lý các vi phạm được coi trọng, từng bước kiểm soát và tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc, điểm nóng về môi trường.

** Lồng ghép bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành trong tỉnh*

Từ năm 2017 đến ngày 31/7/2019, công tác bảo vệ môi trường đã được lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội

¹ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

² Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

của tỉnh. Nội dung bảo vệ môi trường luôn được quan tâm, xem xét cụ thể trong quá trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch của các cấp, các ngành.

** Xây dựng ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường*

Công tác xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đảm bảo chất lượng, kịp thời điều chỉnh một số vấn đề phát sinh trong quá trình chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước; công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường đã được quan tâm triển khai sâu rộng, lồng ghép với việc xây dựng và thực hiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; từ năm 2017 đến ngày 31/7/2019, UBND tỉnh đã cụ thể hóa và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật³ theo quy định của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của nhà nước liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.

** Công tác thông tin, truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường*

Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện, đã góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngày càng có ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, đã tập huấn nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên phụ trách tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường; tại các cơ sở trường học các cấp tổ chức xây dựng các tiêu chí đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom xử lý chất thải rắn, dùng các loại thực phẩm, nước uống an toàn; tiết kiệm giấy, nước, điện; phân loại rác thải, trồng cây xanh trong khuôn viên trường học; tạo cho các em học sinh thay đổi thói quen, hành vi sinh hoạt của bản thân, mang lại lợi ích cho môi trường, cộng đồng; tổ chức hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới để nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho giáo viên và học sinh.

³ Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; các văn bản của UBND tỉnh: Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 về việc ban hành Kế hoạch thu gom vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại và Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 về việc ban hành Kế hoạch thu gom vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển CTNH phát sinh tại các cơ sở sản xuất kinh doanh có khối lượng phát sinh nhỏ hơn 600 kg/năm; Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 về Kế hoạch triển khai thực hiện công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 613/KH-UBND ngày 22/11/2018 về thực hiện phong trào chống rác thải nhựa; Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 23/11/2018 về nâng cao chất lượng công tác thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư; Quyết định số 1891/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 về việc thiết lập, công bố đường dây nóng tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 về quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tuyên truyền thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng: Thông qua các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn sản xuất, các lớp tập huấn IPM, lớp chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật, hướng dẫn nông dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

UBND cấp huyện đã chủ động ban hành các chương trình hành động, kế hoạch triển khai các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường sau khi các kế hoạch, Chỉ thị của UBND tỉnh ban hành. Tại thị xã Gia Nghĩa trong giai đoạn 2017-2019 đã phối hợp với các đoàn thể tổ chức các sự kiện nâng cao nhận thức môi trường cho nhân dân trên địa bàn như sự kiện: Tuần lễ Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường; các ngày: Môi trường thế giới, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Nước thế giới,... bằng hình thức treo băng rôn, pano trên các trục đường chính với khoảng hơn 1.000 pano, hơn 300 băng rôn.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận các thông tin phản ánh về môi trường trên địa bàn đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã và tổ chức thực hiện; Trong quý II năm 2019 đã có 100 tin, bài, ảnh thông qua các trang tin ảnh để lồng ghép các nội dung liên quan vào các tin tức, bài viết, phóng sự nhằm truyền tải đến cộng đồng về các chủ trương chính sách, pháp luật của nhà nước, về công tác bảo vệ môi trường. Xây dựng các chuyên mục, phóng sự, tin bài cộng tác với các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương về kết quả hoạt động của Công an tỉnh.

** Công tác phối hợp giữa các ngành trong công tác quản lý môi trường*

UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp; Quyết định số 1566/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc phối hợp trong thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh,... Theo đó, công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành ngày càng chặt chẽ và đồng bộ, các nội dung cơ bản về bảo vệ môi trường từng bước được lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, từng ngành.

UBND các huyện, thị xã đã triển khai tốt công tác phối hợp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Cụ thể như: phối hợp với Hội Người Cao tuổi, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân tổ chức tuyên truyền về Luật bảo vệ môi trường, các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan và một số nội dung về vệ sinh môi trường, phân loại rác thải tại nguồn đến các hội viên trên địa bàn huyện; ký kết chương trình phối hợp thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường...

** Tổ chức đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường*

Bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý môi trường từng bước được kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác bảo vệ môi trường; đối với cấp tỉnh Chi cục Bảo vệ môi trường hiện nay có 12 cán bộ, công chức đã qua đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công tác bảo vệ môi trường (hiện nay theo chỉ đạo của Trung ương về tinh gọn bộ máy, Chi cục Bảo vệ môi trường

không có cấp phòng, không có tài khoản riêng); Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường có 20 viên chức; quỹ bảo vệ môi trường có 05 hợp đồng lao động (các đơn vị này sẽ thực hiện tự chủ 100% từ năm 2020); Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh có 02 công chức. Bên cạnh đó còn có lực lượng cảnh sát môi trường với 30 cán bộ chiến sỹ; các huyện, thị xã đều có Phòng Tài nguyên và Môi trường có từ 01 đến 02 cán bộ phụ trách công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; riêng các xã, phường, thị trấn do cán bộ địa chính - nông nghiệp - xây dựng kiêm nhiệm công tác bảo vệ môi trường.

1.2. Đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường của UBND tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm tại 07 bệnh viện tuyến huyện. Khu công nghiệp Tâm Thắng đã xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Giấy phép số 2030/GP-BTNMT ngày 25/6/2018, được Tổng cục Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 04/GXN-TCMT ngày 09/01/2018. Đối với 07 bãi chôn lấp rác thải tuyến huyện chưa được xử lý dứt điểm, hiện các bãi rác thải đang xử lý theo hình thức lộ thiên và chưa đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định. Vấn đề này, hàng năm tỉnh đã chủ động bố trí một phần kinh phí sự nghiệp môi trường để xử lý tạm thời, ngoài ra UBND các huyện, thị xã đã chủ động triển khai các mô hình, tổ tự quản, Hợp tác xã triển khai mô hình xử lý chất thải. Ngày 03/7/2018, UBND tỉnh đã có Công văn số 3166/UBND-KTKH đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ kinh phí xây dựng bãi rác tại huyện Đắk R'lấp số tiền là 29.482.373.000 đồng.

1.3. Đánh giá tình hình triển khai, thực hiện Chỉ thị, Nghị quyết của Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/01/2017 về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU để các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Qua đó, các đơn vị đã chủ động triển khai các nhiệm vụ liên quan như: quy hoạch quản lý chất thải rắn, xử lý chất thải trong chăn nuôi, giám sát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường đối với Nhà máy chế biến Alumin Nhân Cơ, xây dựng đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý phản ánh về môi trường của cộng đồng dân cư, xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quan trắc môi trường, chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; xây dựng chương trình kế hoạch truyền thông bảo vệ môi trường...

- Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP của Chính phủ để các Sở, Ban, ngành, UBND các

huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển bền vững tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2012- 2020; Quy hoạch chi tiết thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cùng với đó là nâng cao công tác dự báo, nhất là dự báo mưa, lũ nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai, bão lũ gây ra; huy động nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, đề án toàn diện ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP; qua quá trình triển khai thực hiện đã lồng ghép vào việc thực hiện chức năng nhiệm vụ về bảo vệ môi trường của các cơ quan, đơn vị; đồng thời, đã xây dựng 02 công trình lò đốt rác sinh hoạt bằng khí đốt tự nhiên tại huyện Cư Jút và huyện Đắk R'lấp; xây dựng chương trình giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường; thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá các nguồn nước thải; xây dựng các mô hình quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Công tác bảo vệ môi trường lưu vực sông: Giai đoạn 2017-2019, UBND tỉnh đã chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường trên lưu vực sông Đồng Nai, thực hiện triển khai lồng ghép trong truyền thông bảo vệ môi trường hàng năm, thanh kiểm tra công tác bảo vệ môi trường định kỳ; tham gia các hoạt động, phiên họp hàng năm của Ủy ban bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai. Năm 2019, triển khai Thông báo số 23/TB-UBSĐN của Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1232/UBND-NN ngày 25/3/2019 giao các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện (trước ngày 20/10/2019 các Sở, ngành sẽ tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện). Trên lưu vực sông Sêrêpôk, thực hiện tốt quy chế phối hợp trên lưu vực giữa hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, đặc biệt là công tác quản lý khai thác cát trên sông, hoạt động thủy điện, du lịch...

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 về việc phê duyệt Chương trình hành động bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Đắk Nông đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Tiếp tục củng cố, mở rộng và đầu tư cho bảo tồn ở các khu rừng đặc dụng hiện có như: Vườn quốc gia Tà Đùng, Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung và Khu rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp. Xây dựng và thực hiện chiến lược và kế hoạch bảo tồn dài hạn và hàng năm. Nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường thực thi pháp luật. Nâng cao nhận thức thay đổi ý thức và hành vi liên quan đến bảo tồn cho cán bộ và nhân dân địa phương. Kết hợp bảo tồn với các chương trình, dự án phát triển kinh tế của địa phương (vùng đệm).

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường giai đoạn 2017-2019

2.1. Tình hình thực hiện kế hoạch và dự toán kinh phí sự nghiệp môi trường giai đoạn 2017-2019

- Năm 2017, tổng kinh phí sự nghiệp môi trường đã sử dụng là 27.588,68 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí sử dụng cho các huyện, thị xã là 25.112,98 triệu đồng;

+ Kinh phí sử dụng cho các đơn vị cấp tỉnh là 2.475,7 triệu đồng.

- Năm 2018, tổng kinh phí sự nghiệp môi trường đã sử dụng là 28.626,85 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí sử dụng cho các huyện, thị xã là 24.009,36 triệu đồng;

+ Kinh phí sử dụng cho các đơn vị cấp tỉnh là 4.617,49 triệu đồng.

- Năm 2019, tổng kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ đầu năm là 38.157,85 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí phân bổ cho các huyện, thị xã trong dự toán đầu năm 29.950,68 triệu đồng;

+ Kinh phí phân bổ đầu năm cho các đơn vị cấp tỉnh là 8.207,17 triệu đồng.

(Chi tiết tình hình sử dụng kinh phí năm 2017, năm 2018 và năm 2019 tại Phụ lục 1 kèm theo)

a) Thuận lợi

Hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường ngày càng được hoàn thiện để phù hợp với tình hình thực tế công tác quản lý môi trường; các cấp ủy đảng, chính quyền đã chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời trong việc triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; ý thức bảo vệ môi trường của các cơ sở, đơn vị và người dân ngày một nâng lên, thúc đẩy công tác bảo vệ môi trường ngày càng phát triển sâu rộng; Được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường và sự hỗ trợ tích cực của các Bộ, ngành liên quan trong quá trình triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; có sự hưởng ứng tham gia, phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan và nhân dân và sự nỗ lực của cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

b) Khó khăn

Ngân sách của tỉnh còn nhiều khó khăn, không bố trí đủ kinh phí dành cho các chương trình, dự án bảo vệ môi trường cần thiết; đặc biệt thiếu vốn đầu tư xây dựng mạng lưới thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo quy hoạch và các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích; Hệ thống trang thiết bị quan trắc, phân tích môi trường còn thiếu, nhất là thiết bị phân tích trong phòng thí nghiệm, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kiểm soát, giám sát môi trường; cán bộ làm công tác quản lý môi trường các cấp còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực nên chức năng tham mưu, đề xuất, quản lý môi trường chưa được đồng đều ở các cấp, đặc biệt là cấp xã.

Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa một số đơn vị còn thiếu chặt chẽ, thiếu sự thống nhất, nhất là trong xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm. Vì vậy, hoạt động quản lý môi trường ở một số địa

phương còn bị động; thiếu sự thống nhất đối với các công trình đầu tư, thực hiện các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường, thiếu sự theo dõi, đánh giá hiệu quả các công trình đầu tư, chất lượng dự án, nhiệm vụ dẫn đến tình trạng nguồn lực đầu tư không đồng bộ, dàn trải, manh mún, không giải quyết dứt điểm một số điểm nóng về môi trường.

Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh – dịch vụ chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế mà ít quan tâm đến việc bảo vệ môi trường.

Chưa đa dạng được nguồn vốn, khuyến khích và thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia công tác bảo vệ môi trường. Mức kinh phí phân bổ từ tổng chi ngân sách cho sự nghiệp môi trường chưa đảm bảo.

Hoạt động của các loại tội phạm, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường càng tinh vi, hoạt động có tổ chức, mối quan hệ xã hội phức tạp, địa bàn rộng. Lực lượng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường còn ít, kinh nghiệm thực tiễn công tác chưa cao nên việc phát hiện, đấu tranh, xử lý còn hạn chế.

Việc thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ đang gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực tế. Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh còn thiếu các dữ liệu điều tra cơ bản; cơ sở hạ tầng trong công tác quản lý về đa dạng sinh học còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường chưa toàn diện và sinh động, hiệu quả thấp.

3. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm tiếp tục hỗ trợ kinh phí thực hiện, tạo điều kiện cho tỉnh được tiếp nhận các dự án đầu tư về bảo vệ môi trường trong nước và quốc tế như:

- Hỗ trợ kinh phí đầu tư hạ tầng, hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, trang thiết bị phục vụ công tác tiếp nhận dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; tăng cường nâng cao năng lực cán bộ làm công tác quản lý môi trường, Quan trắc tài nguyên và Môi trường của tỉnh; hỗ trợ kinh phí thực hiện điều tra dữ liệu cơ bản đa dạng sinh học; cơ sở hạ tầng trong công tác quản lý về đa dạng sinh học; thu gom xử lý chất thải nguy hại; mô hình thu gom xử lý chất thải nguy hại từ các hoạt động nông nghiệp.

- Hỗ trợ địa phương kinh phí thực hiện nhiệm vụ đánh giá chất độc hóa học/dioxin ảnh hưởng đến con người và môi trường.

- Hỗ trợ địa phương xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho các đô thị; hỗ trợ cho tỉnh Đắk Nông kinh phí để xử lý triệt để bãi rác ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại huyện Đắk R'lấp theo Quyết định số 1778/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ (bãi rác thải tại các huyện: Đắk R'lấp, Đắk Mil, Krông Nô, Cư Jút...).

- Phối hợp với địa phương giám sát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường Nhà máy Alumin Nhân Cơ; giải quyết các kiến nghị của tỉnh đối với Nhà máy Nhà máy Alumin Nhân Cơ; Khu công nghiệp Tâm Thắng; lưu vực sông Sêrêpôk, sông Đồng Nai...

Phần II

KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2020-2022

1. Kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2020 -2022

Hoàn thành một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thuộc các lĩnh vực: Quan trắc định kỳ các thành phần môi trường; tăng cường quan trắc động khu vực xung quanh Nhà máy chế biến Alumin Nhân Cơ; kiểm soát ô nhiễm sau thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; đầu tư cơ sở hạ tầng tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động online từ các doanh nghiệp truyền về; điều tra đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm; Điều tra, đánh giá chất độc hóa học - Dioxin ảnh hưởng đến con người và môi trường trên địa bàn tỉnh; Đánh giá hiện trạng sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh, xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học tỉnh; Mô hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại nông nghiệp; mua sắm trang thiết bị quan trắc môi trường; xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm (2016-2020).

Bên cạnh đó, năm 2020 tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định tại các văn bản pháp luật về môi trường, phòng ngừa và ứng phó các sự cố về môi trường; điều tra, phòng chống tội phạm về môi trường; xử lý chất thải, duy tu bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải đối với các cơ sở y tế; điều tra chất lượng nguồn nước tại các công trình thủy lợi...; xử lý vấn đề môi trường bức xúc tại địa phương như: điều tra, thống kê; thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, đầu tư xây dựng khu vực xử lý rác thải sinh hoạt tại cấp huyện gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường; nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và học sinh về bảo vệ môi trường; phối hợp với các Tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, tập huấn, phổ biến pháp luật về môi trường và xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường; tuyên truyền giáo dục nhận thức cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, phong trào chống rác thải nhựa; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, vận hành có hiệu quả hoạt động của đường dây nóng bảo vệ môi trường cấp tỉnh, huyện; tham quan, học tập kinh nghiệm các mô hình bảo vệ môi trường, công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn đối với công chức làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Hoàn thành các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Dự toán kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường giai đoạn 2020 -2022

* **Tổng kinh phí thực hiện năm 2020 là 184.332,5 triệu đồng**, trong đó:

- Kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ xử lý là 127.950,0 triệu đồng.
- Kinh phí từ ngân sách của địa phương là 56.382,5 triệu đồng.

* **Tổng kinh phí thực hiện năm 2021 là 183.407,9 triệu đồng**, trong đó:

- Kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ xử lý là 127.100,0 triệu đồng.
- Kinh phí từ ngân sách của địa phương là 56.307,9 triệu đồng.

* **Tổng kinh phí thực hiện năm 2022 là 61.935,5 triệu đồng.**

- Kinh phí đề nghị Trung ương hỗ trợ xử lý là 6.100,0 triệu đồng.

- Kinh phí từ ngân sách của địa phương là 55.835,5 triệu đồng.

(Chi tiết các nội dung nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục 2 đính kèm)

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối, tổ chức và chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của cấp tỉnh.

3.2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối và đề xuất bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp môi trường của tỉnh và các nguồn kinh phí khác theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện.

3.3. Giao UBND các huyện, thị xã chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm 2020 và các năm 2021-2022 trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Trên đây là Kế hoạch bảo vệ môi trường giai đoạn 2020-2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Yêu cầu các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Thanh Tùng

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2017 - 2019

(Kèm theo Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
I	Sở Tài nguyên và Môi trường		11.340,37	1.299	3.555,5	6.486,2			
A	Nhiệm vụ chuyên môn			332	2.171,5	640,2			
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp			251	100	100,17			
1.1	Điều tra phục vụ xác định giá trị Kq của các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	2016-2019	499	31,7	100	100,17	Chi cục Bảo vệ Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan	100	Lưu lượng dòng chảy của các sông, hồ trong giai đoạn 2016-2019
1.2	Điều tra đánh giá hiện trạng phát sinh, cung ứng dịch vụ chất thải nguy hại	2017-2019	338	219			Chi cục Bảo vệ Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan	100	Quyết định của UBND tỉnh về ban hành quy định cung ứng dịch vụ chất thải nguy hại trên địa bàn
2	Nhiệm vụ mở mới		2.173	81	2.071,5	540			
2.1	Đánh giá tổng thể các tác động đến Môi trường, sạt lở từ các hoạt động khai thác cát trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	2017-2019	681	0	669,59	0	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp đơn vị có liên quan	100	Báo cáo tổng hợp; đề xuất giải pháp
2.2	Xây dựng đề án ứng phó toàn diện với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh	2017-2019	1.317	0	1.307,9	0	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan	100	Báo cáo tổng hợp; đề xuất giải pháp
2.3	Điều chỉnh mạng lưới quan trắc môi trường	2017-2019	175	81	94		Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan	100	Dự thảo báo cáo điều chỉnh mạng lưới quan trắc
2.4	Điều tra, đánh giá phân tích chỉ số ô nhiễm và xác định khu vực ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh	2019	180			180	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các đơn vị có liên quan	0	- Bộ số liệu điều tra khảo sát, kết quả phân tích mẫu môi trường; - Các điểm nóng về môi trường

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
2.5	Điều tra, đánh giá các nguồn nước thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	2019	180			180	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các bên liên quan	0	Toàn bộ các nguồn nước thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về môi trường
2.6	Lấy mẫu, phân tích và đánh giá hiệu quả của các lò đốt rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	2019	180			180	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các bên liên quan	0	Bộ số liệu điều tra khảo sát, kết quả phân tích mẫu môi trường
B	Nhiệm vụ thường xuyên		8.197	967	1.384	5.846			
1	Kiểm soát ô nhiễm định kỳ	2017-2019	915	375	270	270	Chi cục Bảo vệ môi trường, các đơn vị liên quan		- Năm bắt, chấn chỉnh doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; - Xử phạt vi phạm hành chính...
2	Tuyên truyền phổ biến giáo dục bảo vệ môi trường	2017-2019	90	81	0	90	Chi cục Bảo vệ môi trường	100	Nâng cao nhận thức của người dân
3	Phối hợp với các Tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, tập huấn, phổ biến pháp luật về môi trường và xây dựng các mô hình bảo vệ môi trường	2017-2018	81		81		Chi cục Bảo vệ môi trường; Hội Nông dân tỉnh	100	Nâng cao được nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường
4	Kiểm tra, xử lý đơn thư phản ánh ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và duy trì hoạt động đường dây nóng về bảo vệ môi trường trên toàn tỉnh; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường	2017-2019	45		45		Chi cục Bảo vệ môi trường	100	Giải quyết kịp thời các phản ánh kiến nghị về bảo vệ môi trường
5	Duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường	2017-2019	140		70	70	Chi cục Bảo vệ môi trường	100	Mua sắm các phần mềm, thiết bị bảo đảm cho việc duy trì hoạt động của hạ tầng
6	Kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giải đoạn vận hành của dự án; xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án bảo vệ môi trường đơn giản	2017-2019	69	24	45		Chi cục Bảo vệ môi trường	100	Giám sát chấp hành pháp luật BVMT của tổ chức, cá nhân
7	Chương trình quan trắc môi trường định kỳ hàng năm	2017-2019	2.692	352	540	1.800	Trung tâm Quan trắc TN&MT	100	Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
8	Chương trình tăng cường giám sát tác động môi trường xung quanh hoạt động khai thác bauxit trên địa bàn tỉnh	2017-2019	396	36	90	270	Trung tâm Quan trắc TN&MT	100	Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc giám sát môi trường xung quanh hoạt động bauxit trên địa bàn tỉnh
9	Vận hành trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động	2017-2019	427	54	135	238	Trung tâm Quan trắc TN&MT	100	Thay thế linh kiện, thiết bị và báo cáo kết quả quan trắc
10	Hiệu chuẩn thiết bị quan trắc và phân tích môi trường	2017-2019	261	45	108	108	Trung tâm Quan trắc TN&MT	100	Giấy chứng nhận kết quả hiệu chuẩn thiết bị
11	Mua sắm trang thiết bị Quan trắc	2019				3.000	Sở TNMT		trang thiết bị
C	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Không							
II	Cấp huyện, thị xã		79.163,02	25.112,98	24.099,36	29.950,68			
I	Huyện Đắk Glong		4.117,2	1.237,43	1.441,87	1.437,89			
1.1	Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường		195	30	65	100	Phòng TNMT	100	
1.2	Hướng ứng các ngày lễ về môi trường		303	63	90	150	Phòng TNMT	100	
1.3	Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt		2032,36	632	700	700,36	Phòng KT&HT		
1.4	Hỗ trợ trang thiết bị thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt		108		108		Phòng TNMT	100	
1.5	Phân tích mẫu làm cơ sở xử lý vi phạm hành chính		90		40	50	Phòng TNMT	100	
1.6	Lương hợp đồng nhiệm vụ bảo vệ môi trường	2017-2019	428,826	242,431	158,866	27,529	Phòng TNMT		
1.7	Hỗ trợ xử lý rác thải bệnh viện		60	60			Bệnh viện đa khoa huyện	100	
1.8	Nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở các xã		630	210	210	210	UBND các xã	100	
1.9	Đánh giá hiện trạng môi trường nước hồ Quảng Khê		70		70		Phòng TNMT	100	
1.10	Đánh giá hiện trạng môi trường không khí các xã: Đắk Ha, Quảng Sơn		200			200	Phòng TNMT	50	
2	Huyện Cư Jút		7.332	2.901	1.265	3.166			
2.1	Thu gom xử lý rác thải			1.732,792	800,996				
2.2	Công tác tuyên truyền			168,165	134,100				
2.3	Văn phòng phẩm và phục vụ công tác chuyên môn	2017-2019		41,670	44,372		UBND huyện		
2.4	Quan trắc môi trường			24,556	30,592				

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
2.5	Chi thường xuyên	2017-2019		678,817			UBND huyện		
2.6	Chi theo định mức			45	45				
2.7	Chi theo định mức			210	210				
3	Huyện Đắk Mil		8.005,34	3.091	2.959	1.955			
3.1	Khôi mương thoát nước khu vực nội thị	2017-2019	354,432	88,368	131,064	135	UBND huyện	100	
3.2	Phát quang đường nội thị, cắt cỏ khu vực Hồ Tây		480,409	186,304	114,105	180			
3.3	Quét các tuyến đường nội thị, hoa viên		3.259,909	1.024,186	1.155,723	1.080			
3.4	Nâng cấp, sửa chữa mương thoát nước		934,998		934,998				
3.5	Hỗ trợ các xã, thị trấn thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường khác		1.157,447	237,038	360,409	560			
3.6	Tổ chức Lễ Phát động hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường, Ngày Môi trường thế giới 05/6, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam 01-08/6, Ngày đại dương thế giới 8/6 trên địa bàn toàn huyện	2017-2019	118,520	56,22	62,30		UBND huyện	100	
3.7	Kiểm tra khoáng sản và, đoàn kiểm tra các cơ sở chế biến cà phê, nông sản, lò đốt than		83,3	83,3					
3.8	Quan trắc chất lượng nước Hồ Tây, Đắk Mil		388,917	194,00	194,917				
3.9	Quan trắc chất lượng không khí các cơ sở chế biến cà phê		86,466	81,039	5,427				
3.10	Mua sắm thùng đựng rác công cộng		193,55	193,550					
3.11	Xử lý ô nhiễm môi trường khu vực công ích		947,387	947,387					
4	Thị xã Gia Nghĩa		36.035	10.209	9.490	16.336			
5	Huyện Đắk R'lấp		9.941,5	2.553	4.500,5	2.888			
5.1	Dự phòng công tác ứng phó biến đổi khí hậu, sự cố môi trường trên địa bàn huyện	2017-2019	2.468	1.428	890	150	UBND huyện	theo năm	Ứng phó khi có sự cố xảy ra đối với môi trường

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
5.2	Công tác thanh tra, kiểm tra, hỗ trợ mua thùng rác cho các xã, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo có ảnh hưởng đến môi trường	2017-2019	450	150	150	150	Phòng TN&MT	Theo các năm	Xử lý các đơn vị vi phạm
5.3	Điều tra, quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện	2018	830		830		Phòng TN&MT	Theo các năm	Kết quả hiện trạng môi trường nước, không khí, đất
5.4	Điều tra, quan trắc đánh giá chất lượng nước công trình hồ thủy lợi Đăk B'lao, thị trấn Kiến Đức	2017-2019	485	235	162	88	Phòng TN&MT	Theo các năm	Chất lượng nước công trình hồ thủy lợi Đăk B'lao nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt
5.5	Công tác thanh tra, kiểm tra, xăng xe, thuê đơn vị lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường	2017-2019	350	100	100	150	Phòng TN&MT	Theo các năm	Xử lý các đơn vị vi phạm
5.6	Công tác tuyên truyền môi trường	2017-2019	118,5		18,5	100	Phòng TN&MT	Theo các năm	Tuyên truyền
5.7	Hỗ trợ công tác thu gom, xử lý rác thải chăm sóc cây xanh đô thị tại thị trấn Kiến Đức	2017-2019	1.150	450	450	250	Đội quản lý đô thị	Theo các năm	Thu gom xử lý rác thải
5.9	Hỗ trợ mua thùng rác và thu gom rác thải tại các xã: Đăk Wer, Quảng Tín, Nghĩa Thắng và xã Đăk Sin	2017-2019	1.040	40	750	250	UBND huyện	Theo các năm	Xử lý triệt để rác thải ở nông thôn
5.10	Thẩm định hồ sơ xin cấp kế hoạch, đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện	2017-2019	100	50	50		Phòng TN&MT	Theo các năm	Kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở
5.11	Công tác thanh tra, kiểm tra, xăng xe, thuê đơn vị lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường	2017-2019	350	100	100	150	Phòng TN&MT	Theo các năm	Xử lý các đơn vị vi phạm không thực hiện theo đúng nội dung cam kết, kế hoạch, đề án đã được cấp
5.13	Hỗ trợ các xã thu gom và xử lý rác	2016-2018	1.800		300	1.500	UBND huyện	Theo các năm	Xử lý triệt để rác thải ở nông thôn
5.14	Công tác tuyên truyền luật bảo vệ môi trường, các ngày môi trường (Ngày môi trường thế giới, Ngày quốc tế đa dạng sinh học,...)	2016-2018	150		50	100			
5.15	Hỗ trợ công tác xây dựng nông thôn mới liên quan đến tiêu chí 17	2016-2018	500		500				

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
5.16	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường	2018	150		150		Phòng TN&MT	Theo các năm	Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường
6	Huyện Krông Nô		5.863	2.458	1.974	1.431			
6.1	Hỗ trợ hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn	2017-2019	3.705	1.120	1.154	1.431	UBND các xã, thị trấn	100	Đạt chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom chất thải rắn
6.2	Hợp đồng lao động và nghiệp vụ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường	2017-2019	202	98	104		Phòng Tài nguyên và Môi trường	100	Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường
6.3	Thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường	2017-2019	68	23,0	45		Phòng Tài nguyên và Môi trường	100	Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường của các cơ sở
6.4	Công tác truyền thông, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật trong các chiến dịch	2017-2019	225	90	135		Phòng Tài nguyên và Môi trường	100	Nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường được nâng cao
6.5	Quan trắc môi trường	2017-2019	63	27	36,0		Phòng Tài nguyên và Môi trường	100	Theo dõi, giám sát được khả năng gây ô nhiễm môi trường
6.6	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các bãi chôn lấp chất thải rắn trên địa bàn huyện	2017-2019	1.600	1.100	500		Phòng Tài nguyên và Môi trường	100	Theo dõi, giám sát được khả năng gây ô nhiễm môi trường
7	Huyện Tuy Đức		3.521,39	1.134,39	1.175	1.212			
7.1	Chi hỗ trợ thu gom rác tại khu vực trung tâm huyện	2017-2019	1.680,39	864,39	816,00		Phòng Tài nguyên và Môi trường		
7.2	Chi nhiệm vụ thường xuyên		140	90	50		Phòng Tài nguyên và Môi trường		
7.3	Chi bảo vệ môi trường cho các xã		360	180	180		Phòng Tài nguyên và Môi trường		
7.4	hỗ trợ mua thùng rác		79	79	79		Phòng Tài nguyên và Môi trường		
7.5	xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường	2017-2019	50	50	50		Phòng Tài nguyên và Môi trường		
8	Huyện Đắk Song		4.347,54	1.528,77	1.293,99	1.524,79			
8.1	Đề án điều tra quan trắc, đánh giá chất lượng nước công trình thủy lợi Đắc R'Lon	2017-2019	471,04	193,88	179,38	97,79	Phòng Tài nguyên và Môi trường	100	Báo cáo theo giai đoạn của Đề án
8.2	Nâng cấp cải tạo hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt thôn 4 - Năm N'Jang	2017-2018	450	290,19	159,81		UBND xã Năm N'Jang	100	Cải tạo, mở rộng bãi chôn lấp

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
8.3	Nâng cấp cải tạo hố chôn lấp rác thải sinh hoạt thôn Boong Rinh - Năm N'Jang	2018-2019	500		300	200	Phòng Tài nguyên Môi trường	100	Cải tạo, mở rộng bãi chôn lấp
8.4	Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	2017-2019	210	59	70	81	Phòng Tài nguyên Môi trường	100	Hợp đồng 01 lao động
8.5	Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt	2017-2019	359	169	100	90	UBND các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị	100	Trang bị thùng đựng rác thải sinh hoạt trên địa bàn
8.6	Hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt tại địa phương	2017-2019	1.554,6	703,8	350,8	500	Thu gom rác thải tại khu vực trung tâm, khu vực tập trung đông dân cư, xử lý rác tại các bãi tập trung	100	Đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị, khu dân cư
8.7	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên môn huyện, xã hướng ứng ngày kỷ niệm về môi trường	2017-2019	166,9	86,9	70	10		70	Tổ chức tập huấn, treo băng rôn, hợp đồng truyền thanh, mua tài liệu giáo dục pháp luật, tuyên truyền về môi trường
8.8	Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, các hoạt động nghiệp vụ	2017-2019	100	26	64	10	UBND các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị	100	Kiểm tra, giám sát; đánh chất lượng môi trường tại các khu vực có nguy cơ bị ô nhiễm
8.9	Hỗ trợ kinh phí bảo vệ môi trường của các tổ chức tự quản	2019	90			90		đang triển khai thực hiện	hỗ trợ mô hình xử lý rác thải tại nguồn
8.10	Hỗ trợ thu gom chất thải nguy hại nông nghiệp	2019	100			100		đang triển khai thực hiện	Thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật
8.11	Hỗ trợ bảo đảm các hoạt động môi trường	2019	346			346		đang triển khai thực hiện	bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường phát sinh
III	Các Sở, Ban, ngành		3.870	1.177	972	1.721			
1	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh		335	83	72	180			
2	Sở Y tế		2.894	1.094	900	900			

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí năm 2017	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Đơn vị thực hiện; lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đã đạt được
2.1	Quan trắc môi trường định kỳ	2019	1.560	560	640	360	BVĐK tỉnh, huyện; TTYT huyện, thị xã	100%	Báo cáo kết quả quan trắc định kỳ 02 đợt/năm của các bệnh viện
2.2	Giấy phép xả thải môi trường	2019	330	150	-	180	BVĐK tỉnh, huyện; TTYT huyện, thị xã	100%	Đang xây dựng hoàn thành hồ sơ xin cấp phép, đang trình cơ quan xem xét, thẩm định, phê duyệt cấp phép xả thải
2.3	Giấy phép khai thác nước ngầm	2019	300			300		100%	Đã xây dựng hoàn thành Giấy phép khai thác nước ngầm
2.4	Xác nhận hoàn thành công trình BVMT	2019	200	200	-			100%	Đã xây dựng hoàn thành hồ sơ xin cấp phép, đang trình cơ quan xem xét, xác nhận
2.5	Xử lý chất thải rắn thông thường	2018	444	184	260			100%	Mua sắm thiết bị thu gom, và phục vụ công tác xử lý, nhiên liệu xử lý rác
2.6	Sửa chữa, lò đốt rác thải		60			60		100%	
3	Sở Công thương		641			641			
3.1	Xây dựng Diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh	2019	418			418	Sở Công Thương	Đang triển khai thực hiện	Tổ chức Diễn tập
3.2	Điều tra, đánh giá sự cố môi trường trong ngành Công Thương	2019	103			103	Sở Công Thương	Đang triển khai thực hiện	Báo cáo kết quả UBND tỉnh
3.3	Kiểm soát hoạt động hóa chất và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trong ngành Công Thương	2019	120			120	Sở Công Thương	Đang triển khai thực hiện	Báo cáo kết quả UBND tỉnh
	Tổng cộng		94.373,38	27.588,68	28.626,85	38.157,85			

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT) NĂM 2020 - 2022
(Kèm theo Quyết định số 1434 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

DVT: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lấy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
1	Kế hoạch của Sở Tài nguyên và Môi trường							248.900	45.496	4.326	133.841	134.030	12.900
A	Nhiệm vụ chuyên môn							8.900	21.670	280	7.491,0	7.600	5.900
1	Nhiệm vụ chuyên tiếp								499	100			
1.1	Điều tra phục vụ xác định giá trị Kq của các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	- Luật BVMT 2014; - QCVN 40/2011/BTNMT và các QCVN ngành liên quan;	- Xác định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải	- Điều tra khảo sát đánh giá hiện trạng lưu vực sông, hồ, suối, ao...; - Đo đạc tính toán lưu lượng dòng chảy, mặt cắt sông, hồ... trong 03 năm liên tiếp	Giá trị Kq của các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan có liên quan	2019		499	100,17			
2	Nhiệm vụ mở mới							8.900	21.171	180	7.491	7.600	5.900
2.1	Điều tra, đánh giá các nguồn nước thải gây ô nhiễm môi trường	- Luật BVMT năm 2014; - Quyết định số 187/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Thông báo số 02/TB-UBSDN, ngày 27/12/2017 của Ủy ban Lưu vực Sông Đồng Nai	- Xây dựng nguồn thải đồ trực tiếp hoặc gián tiếp vào các lưu vực. - Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về môi trường; khoanh vùng các nguồn thải lớn tiềm ẩn nguy cơ gây sự cố môi trường và đề ra giải pháp quản lý hiệu quả.	- Lập mẫu phiếu phù hợp để tiến hành điều tra khảo sát cho các nhóm đối tượng - Rà soát, cập nhật bổ sung các đơn vị phát sinh một chất thải; - Điều tra, khảo sát về hiện trạng và tình hình phát sinh chất thải (chủ yếu là nước thải) tại các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh; - Tổng hợp các số liệu, hoàn thiện báo cáo tổng hợp.	Bộ số liệu về nguồn thải được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường và để xuất các giải pháp quản lý hiệu quả	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan có liên quan	2019-2022		880	180	200	200	300
2.2	Điều tra, đánh giá các nguồn khí thải gây ô nhiễm môi trường	- Luật BVMT năm 2014; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP	Xây dựng dữ liệu nguồn khí thải và đề xuất giải pháp quản lý	- Lập mẫu phiếu phù hợp để tiến hành điều tra khảo sát cho các nhóm đối tượng - Rà soát, cập nhật bổ sung các đơn vị phát sinh một chất thải; - Điều tra, khảo sát về hiện trạng và tình hình phát sinh chất thải (chủ yếu là nước thải) tại các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh; - Tổng hợp các số liệu, hoàn thiện báo cáo tổng hợp.	Bộ số liệu về nguồn thải được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường và để xuất các giải pháp quản lý hiệu quả	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan có liên quan	2020		900		300	300	300
2.3	Đề án tổng thể về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	- Luật BVMT năm 2014; - Nghị định số 40/2019/NĐ-CP; - Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.	Năm bắt hiện trạng và đề xuất giải pháp, nguồn vốn xử lý	Điều tra, đánh giá; thừa kế số liệu; năm bắt thực trạng và những tồn tại khó khăn	Đề án tổng thể	Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan	2020-2021		2.000		1000	1000	

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương			
2.4	Dự án điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải	- Luật BVMT năm 2014; - Công văn số 4444/BTNMT-TCMT ngày 17/8/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật xây dựng, lắp đặt hệ thống tiếp nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về nước thải; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về khí thải; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về chất thải rắn; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về chất thải nguy hại.	- Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật xây dựng, lắp đặt hệ thống tiếp nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về nước thải; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về khí thải; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về chất thải rắn; - Điều tra, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về chất thải nguy hại.	- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật xây dựng, lắp đặt hệ thống tiếp nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải; - Cơ sở dữ liệu về nước thải; - Cơ sở dữ liệu về khí thải; - Cơ sở dữ liệu về chất thải rắn; - Cơ sở dữ liệu về chất thải nguy hại.	Sở TNMT phối hợp với các cơ quan có liên quan	2020-2022	8.900	8.900	3.400	2.900	2.600
2.5	Điều tra, đánh giá phân tích chi số ô nhiễm và xác định khu vực ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh và đề xuất giải pháp quản lý	- Luật BVMT 2014;	Xác định được các khu vực, điểm nóng trên địa bàn tỉnh bị ô nhiễm môi trường và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả	- Điều tra, khảo sát; - Đánh giá thực trạng, khoanh vùng; - Lấy mẫu, phân tích kết quả mẫu môi trường; - Tính toán nội suy khoanh vùng ô nhiễm	- Bộ số liệu điều tra khảo sát, kết quả phân tích mẫu môi trường; - Các điểm nóng về môi trường; - Đề xuất giải pháp quản lý và xử lý hợp lý	Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan có liên quan	2020-2022	1.100	200	400	500	
2.6	Đánh giá hiện trạng sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông và đề xuất các biện pháp quản lý	Luật Đa dạng sinh học;				Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022		2.000	500	1.000	500
2.7	Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học tỉnh Đắk Nông	Luật Đa dạng sinh học;				Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022		3.000	1.000	1.000	1.000
2.8	Điều tra, đánh giá chất độc hóa học - Dioxin ảnh hưởng đến con người và môi trường tỉnh Đắk Nông	Luật BVMT 2014;	Xác định vùng bị ô nhiễm và đề xuất giải pháp xử lý hiệu quả	Điều tra, khảo sát, lấy mẫu phân tích	Bộ kết quả phân tích đánh giá chất độc hóa học - Dioxin và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	1.091	391	400	300	
2.9	Điều tra, xác định dòng chảy môi trường của các Nhà máy thủy điện	Luật BVMT 2014; Quyết định phê duyệt Đánh giá tác động môi trường của các Nhà máy thủy điện;	Duy trì được dòng chảy môi trường tại các Nhà máy thủy điện theo đúng cam kết	Điều tra, đánh giá, đo đạc lưu lượng dòng chảy	Bộ số liệu dòng chảy môi trường vào các thời điểm khác nhau	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022	1.300		500	400	400
B	Nhiệm vụ thường xuyên							0	23.826	6.350	6.430	7.000

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lấy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
1	Chương trình Kiểm soát ô nhiễm môi trường	Luật BVMT 2014;	Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường từ hoạt động của các cơ sở sản xuất	- Kiểm soát các vấn đề môi trường đối với doanh nghiệp - Lấy mẫu và phân tích các chỉ tiêu môi trường;...	- Phát hiện những tồn tại hạn chế về quá trình tự kiểm soát ô nhiễm của doanh nghiệp và đề xuất giải pháp để thực hiện tốt hơn công tác quản lý môi trường. - Phát hiện những vi phạm và đề xuất xử lý vi phạm theo quy định. - Tham mưu kiến nghị cơ quan có thẩm quyền chấn chỉnh yếu cầu doanh nghiệp thực hiện tốt công tác BVMT	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020		1.970	270	400	600	700
2	Kinh phí kiểm tra, xử lý đơn thư phản ánh ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và duy trì hoạt động đường dây nóng về BVMT trên toàn tỉnh; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường (bao gồm cả kinh phí lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường)	- Luật BVMT 2014; - Chỉ thị số 03/CT-BTNMT ngày 10/10/2017 về tăng cường tiếp nhận xử lý thông tin phản ánh môi trường; - Thông báo số 134/TB-UBND ngày 5/12/2018 của UBND tỉnh về vận hành đường dây nóng	Xử lý kịp thời các kiến nghị, phản ánh về môi trường; luân duy trì 24/24 hoạt động của đường dây nóng	- Cử cán bộ túc trực số điện thoại đường dây nóng 24/24; - Xử lý thông tin phản ánh qua đường dây nóng theo quy trình - Triển hành xác minh, kiểm tra và lấy mẫu phân tích	- Kết quả tiếp nhận các phản ánh kiến nghị về môi trường - Các kết quả xử lý phản ánh đến công dân, tổ chức; - Có giải pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường kịp thời.	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020		1.900	-	500	600	800
3	Cán bộ Chi cục BVMT đi Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về BVMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục môi trường và các Bộ, ngành liên quan tổ chức; tham quan học tập kinh nghiệm trong lĩnh vực BVMT, mô hình điểm	Luật BVMT 2014;	Nâng cao năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Đi tập huấn; tham quan học tập kinh nghiệm		Chi cục BVMT	2020		900		200	300	400
4	Kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án; xác nhận kế hoạch BVMT; cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Luật BVMT 2014; ND số 18/2015/ND-CP, ND số 40/2019/ND-CP; Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Đảm bảo theo quy định của pháp luật	Theo quy định của các Thông tư liên quan	Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	Sở Tài nguyên và Môi trường	2020		600		200	200	200
5	Duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường	- Luật BVMT 2014; - Công văn số 6701/UBND-NN ngày 27/11/2017 của UBND tỉnh	Nâng cao năng lực quản lý môi trường trên công nghệ số; Đảm bảo thực thi theo đúng quy định của pháp luật về BVMT	- Cập nhật duy trì các thông tin, cơ sở dữ liệu về BVMT trên địa bàn toàn tỉnh; - Duy trì trang thiết bị, máy móc, đường truyền đảm bảo cho hoạt động dữ liệu đường ống định và chia sẻ thông tin theo quy định.	Cơ sở dữ liệu về BVMT được cập nhật và duy trì ổn định để quản lý khai thác theo đúng quy định	Chi cục BVMT - Sở Tài nguyên và Môi trường	2020		300		100	100	100



TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lũy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
6	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu và hướng ứng các ngày lễ môi trường	Luật BVMT 2014 và Luật đa dạng sinh học;	Nâng cao nhận thức đến cộng đồng	Xây dựng chương trình, nội dung về BVMT để tuyên truyền	Công đồng, doanh nghiệp được nâng cao nhận thức về BVMT	Chi cục BVMT - Sở Tài nguyên và Môi trường	2020		1.500		400	500	600
7	Chương trình quan trắc môi trường định kỳ hàng năm	Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông	Cập nhập dữ liệu môi trường nền và các điểm lấy mẫu, phân tích tại phòng thí nghiệm các mẫu đã lấy.	- Khảo sát, đo đạc và lấy mẫu tại hiện trường. - Tiến hành phân tích tại phòng thí nghiệm các mẫu đã lấy.	Báo cáo tổng hợp	Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022		9.592	2.692	2.300	2.300	2.300
8	Chương trình giám sát tăng cường tác động môi trường xung quanh đối hoạt động khai thác bauxit và Nhà máy chế biến Alumin Nhân Cơ trên địa bàn tỉnh	- Luật BVMT 2014; - Công văn số 41/BTNMT-TCMT, ngày 7/2/2018; - Các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh: Văn bản số 6989/UBND-NN, ngày 28/12/2016; Văn bản số 18/UBND-NN, ngày 16/01/2018; văn bản số 22/UBND-NN, ngày 18/01/2018	Giám sát chặt chẽ vấn đề môi trường trong quá trình hoạt động của Nhà máy chế biến Alumin Nhân Cơ	- Khảo sát, đánh giá thực địa; - Lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường theo quy định	Bộ kết quả số liệu phân tích mẫu và đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp quản lý hiệu quả đối với Nhà máy.	Trung tâm Quan trắc - Sở TNMT phối hợp với các cơ quan có liên quan	2020-2022		1.366	396	300	320	350
9	Vận hành trạm quan trắc môi trường nước mặt tự động	- Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Vận hành trạm quan trắc chất lượng môi trường nước mặt tự động. Cập nhật dữ liệu môi trường nước mặt suối Đắk Nông	- Vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng trạm quan trắc. - Thu nhận và quản lý dữ liệu quan trắc	Báo cáo tổng hợp	Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022		1.267	427	250	290	300
10	Hiện chuẩn thiết bị	- Thông tư số 21/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Giúp đảm bảo độ chính xác trong quá trình đo đạc, phân tích của thiết bị	- Lập danh mục các thiết bị hiệu chuẩn. - Gửi cho đơn vị có năng lực hiệu chuẩn thiết bị.	Giấy chứng nhận hiệu chuẩn	Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022		931	261	200	220	250
11	Báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm (2016-2020)	Thông tư 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Khảo sát, điều tra, Báo cáo số liệu 05 năm	- Thu thập thông tin, số liệu môi trường 05 năm - Khảo sát, đo đạc và lấy mẫu tại hiện trường. - Tiến hành phân tích tại phòng thí nghiệm các mẫu đã lấy.	Báo cáo kết quả quan trắc năm 05 năm	Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường	2020		500		500		
12	Mua sắm trang thiết bị quan trắc môi trường		Khảo sát, lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu môi trường	Mua sắm theo quy định	Trang thiết bị	Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường	2020-2022		3.000		1.000	1.000	1.000
C	Hỗ trợ xử lý cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng							240.000			120.000	120.000	
1	Cải tạo nâng cấp, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại bãi thu gom rác huyện Đắk Mũi	Quyết định số 1788/QĐ-TTg, ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Lập dự án đầu tư, đến bù giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công nghệ, quy trình vận hành....	Dự án xử lý chất thải hoàn thiện	Sở TN&MT; Chủ đầu tư và UBND các huyện liên quan	2020-2022	60.000			60.000		

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lấy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
2	Cải tạo nâng cấp, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại bãi thu gom rác huyện Đắk Rlấp	Quyết định số 1788/QĐ-TTg, ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Lập dự án đầu tư; đền bù giải phóng mặt bằng; xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công nghệ; quy trình vận hành....	Dự án xử lý chất thải hoán thiện	Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ đầu tư và UBND các huyện liên quan	2020-2022	60.000			60.000		
3	Cải tạo nâng cấp, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại bãi thu gom rác Krông Nô							60.000				60.000	
4	Cải tạo nâng cấp, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại bãi thu gom rác huyện Cư Jút												
II	Kế hoạch của các huyện							0	119.509	11.728	34.883	35.299	37.599
1	Huyện Đắk Mil							0	10.006,409	0	3.257,76	3.374,32	3.374,32
Kinh phí quyết định nội thi, hoa viên; Kinh phí vét mương; Kinh phí phát quang đường nội thi; Kinh phí tổ chức lễ ngày môi trường thế giới, nước sạch vệ sinh môi trường; Kinh phí tổ chức lễ phát động chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; quan trắc chất lượng nước Hồ Tây, Đắk Mít; quan trắc chất lượng không khí phục vụ kiểm tra lò sấy cà phê, nông sản, lò than; kiểm tra khoáng sản, các cơ sở chế biến cà phê, nông sản, lò than và các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; hỗ trợ các xã, thị trấn													
2	Huyện Tuy Đức	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Cơ sở dữ liệu về hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện	Điều tra, quan trắc, đánh giá, lồng hợp báo cáo	Báo cáo hiện trạng môi trường cấp huyện	Phòng TN&MT	2020-2022	0	8.330	0	2.760	2.510	3.060
2.1	Điều tra, quan trắc hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện						2020-2022		600		100	200	300
2.2	Hỗ trợ xây dựng bãi rác xã Đắk Ngo						2020-2022		1.000		1000		
2.3	Hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải khu vực trung tâm huyện và các xã						2020-2022		3.700		1000	1200	1500
2.4	Công tác thanh tra, kiểm tra, xăng xe, thuế đơn vị lấy mẫu phân tích						2020-2022		250		50	100	100
2.5	Công tác tuyên truyền Luật BVMT, các ngày môi trường						2020-2022		550		100	200	250
2.6	Kiểm tra và xác nhận kế BVMT						2020-2022		150		50	50	50
2.7	Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác BVMT cấp huyện	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Thực hiện công tác BVMT				2020-2022		180		60	60	60
2.8	Hoạt động xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường						2020-2022		250		50	100	100
2.9	Giải quyết đơn thu khiếu nại về lĩnh vực môi trường						2020-2022		250		50	100	100
2.10	Chi công tác BVMT các xã						2020-2022		780		180	300	300
2.11	Công tác tuyên truyền Luật BVMT, các ngày môi trường						2020-2022		450		100	150	200
2.12	Giải quyết đơn thu khiếu nại về lĩnh vực môi trường						2020-2022		170		20	50	100
3	Huyện Đắk Glong	điểm e khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Thu gom xử lý 90% rác thải sinh hoạt tại trung tâm các xã Quảng Khê, Quảng Sơn, Đắk Hia	Chi trả tiền thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt		Phòng Kinh tế và hạ tầng	2020	0	8.060	0	2.560	2.100	3.400
3.1	Thu gom xử lý rác thải sinh hoạt								5.000	0	1.500	1.500	2.000
3.2	Phân tích mẫu chất thải làm cơ sở áp dụng xử phạt vi phạm hành chính	Luật BVMT năm 2014	Xác định hành vi vi phạm hành chính			Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020		150	0	50	50	50

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lấy kể đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
3.3	Thu gom xử lý rác thải sinh hoạt	điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	thu gom xử lý 90% rác thải sinh hoạt tại trung tâm các xã Đắk Som, Đắk Pao, Đắk Măng, Quảng Hòa	Chú trách thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt		Phòng kinh tế và hạ tầng	2020		800	0	0	0	800
3.4	Mua trang thiết bị kiểm tra nhanh các thông số nước thải	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xác định thông số ô nhiễm phục vụ xử lý vi phạm hành chính	Mua máy kiểm tra nhanh các thông số PH, BOD, COD...		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020		100	0	100	0	0
3.5	Thực hiện nhiệm vụ BVMT cấp xã	Luật BVMT năm 2014	Thực hiện nhiệm vụ BVMT địa phương cấp xã	Kiểm tra, xử lý các vi phạm hành chính, tuyên truyền, phổ biến pháp luật...		UBND các xã	2020-2022		910	0	210	350	350
3.6	Kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT	điểm m khoản 2 điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Kiểm tra 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải	Kiểm tra việc chấp hành Luật BVMT và các quy định có liên quan		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020		300	0	100	100	100
3.7	Tổ chức các hoạt động hướng ứng các ngày lễ về môi trường	điểm l khoản 2 điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Nâng cao nhận thức của cộng đồng về BVMT	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT	Tài liệu tuyên truyền (băng rôn, phướn, tờ rơi...)	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020		300	0	100	100	100
3.8	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường sinh hoạt tại bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt xã Quảng Khê	điểm c khoản 2 điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý triệt để các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Đóng cửa bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt xã Quảng Khê		Phòng Tài nguyên và Môi trường	2020		500	500	0	0	0
4	Huyện Cư Jút							0	13.950	3.200	3.350	3.600	3.800
4.1	Kinh phí thu gom xử lý rác					UBND huyện	2020-2022		6.300	1.900	2.000	2.100	2.200
4.2	Các hoạt động chi khác						2020-2022		4.450	1.300	1.350	1.500	1.600
5	Huyện Đắk Song							0	11.563	3.923	2.140	2.750	2.750
5.1	Thực hiện Mô hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại nông nghiệp (bao gói thuốc bảo vệ thực vật)	Nghị quyết số 10-NQ/TU của Tỉnh ủy, Quyết định số 677/QĐ-UBND của UBND tỉnh.	Giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm do chất thải nguy hại phát sinh từ bao gói thuốc bảo vệ thực vật	Điều tra, đánh giá, đề xuất phương án xây dựng mô hình thu gom, thu vận chuyển xử lý	Báo cáo kết quả thực hiện đề án	Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với đơn vị tư vấn	2020-2022		1.500		500	500	500
5.2	Hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác BVMT cấp huyện		Hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về BVMT	Hợp đồng 01 lao động cấp huyện		Chủ trương của UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện	2017-2022		470	210	80	90	90
5.3	Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Phục vụ công tác vệ sinh môi trường	Mua thùng đựng rác, xe đẩy thu gom rác		Chủ trương của UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện	2018-2022		1.550	650	300	300	300
5.4	Xử lý rác thải sinh hoạt tại địa phương		Đảm bảo vệ sinh môi trường	Thuế thu gom, xử lý rác thải		Chủ trương của UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện	2016-2022		3.300	1.800	500	500	500
5.5	Hoạt động BVMT của các tổ chức tư nhân		Đảm bảo vệ sinh môi trường	Hướng dẫn hoạt động, Hỗ trợ kinh phí cho các hợp tác xã, hội người cao tuổi, Phụ nữ, thanh niên...		Chủ trương của UBND huyện, UBND các xã thực hiện	2019-2022		770	50	240	240	240

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lũy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
5.6	Công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT, các hoạt động nghiệp vụ			Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất, thẩm định đề án, kế hoạch BVMT	Bảo đảm việc chấp hành pháp luật về BVMT	Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện	2019-2022		240	90	50	50	50
5.7	Cải tạo nâng cấp xây dựng mới cơ sở hạ tầng xử lý chất thải	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Đáp ứng nhu cầu xử lý rác thải, trên địa bàn	Mở rộng, khắc phục tình trạng đổ rác khu vực xung quanh miêng hồ rác.		Phòng Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan	2016-2022		3.350	950	400	1.000	1000
5.8	Tuyên truyền, tập huấn, hướng ứng ngày kỷ niệm về môi trường		Nâng cao năng lực quản lý của cán bộ, nhận thức cộng đồng về BVMT	Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, họp đồng truyền thành, mua tài liệu.		Phòng Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan liên quan	2016-2022		383	173	70	70	70
6	Huyện Đắk R'lấp							0	13.438	3.288	3.250	3.350	3.550
6.1	Hỗ trợ mua sắm các thiết bị môi trường	Luật BVMT năm 2014				UBND huyện Đắk R'lấp	2019-2021		550	200	150	100	100
6.2	Hỗ trợ công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn	Luật BVMT năm 2014	Xử lý rác thải trên địa bàn huyện	Xử lý rác thải trên địa bàn huyện	Xử lý rác thải trên địa bàn huyện	UBND huyện Đắk R'lấp	2020-2022		6.600	1.500	1.600	1.700	1.800
6.3	Điều tra, quan trắc đánh giá chất lượng công trình thủy lợi Đắk B'Lao, thị trấn Kiến Đức (Chiều đoạn 2)	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính		Điều tra quan trắc đánh giá tổng hợp báo cáo	Báo cáo liên trạng môi trường hồ Đắk B'Lao	Phòng TN&MT	2020-2022		88	88			
6.4	Hoạt động xác nhận kế BVMT	Luật BVMT năm 2014					2020-2022		200	50	50	50	50
6.5	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo; thanh, kiểm tra về lĩnh vực môi trường	Luật BVMT năm 2014	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các cơ sở	Thanh kiểm tra	Giải quyết dứt điểm đơn thư, khiếu nại tố cáo	Phòng TN&MT	2020-2022		500	150	150	100	100
6.6	Công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật về BVMT trên địa bàn toàn huyện	Luật BVMT năm 2014					2020-2022		400	100	100	100	100
6.7	Hỗ trợ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các sự cố thiên tai	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường	Hỗ trợ xử lý	Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường		2020-2022		600	150	150	150	150
6.8	Hỗ trợ xây nhà vệ sinh tại các trường học khó khăn	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý môi trường học đường	Xử lý môi trường học đường	Xử lý môi trường học đường	UBND huyện Đắk R'lấp	2020-2022		1.000	250	250	250	250
6.9	Hỗ trợ mua thùng rác, thu gom xử lý các chất thải, vật dụng trên địa bàn huyện	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý rác thải trên địa bàn huyện	Hỗ trợ xử lý	Giảm thiểu rác thải nông thôn		2020-2022		1.080	250	250	280	300
6.10	Hỗ trợ xử lý nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước tại thị trấn Kiến Đức và các xã	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính	Xử lý nạo vét hệ thống cống rãnh thoát nước	Hỗ trợ xử lý	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường		2020-2022		1.350	300	300	350	400
6.11	Hỗ trợ tôn tạo cảnh quan và cây xanh tại trung tâm huyện	Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính		Chăm sóc và tôn tạo cảnh quan đô thị	Tăng diện tích cây xanh và duy tu các cây xanh trong đô thị	Đội Quản lý đô thị	2020-2022		1.070	250	250	270	300
7	Thị xã Gia Nghĩa							0	45.000		15.000	15.000	15.000
8	Huyện Krông Nô							0	9.162	1.317	2.565	2.615	2.665

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lũy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
8.1	Quan trắc môi trường	Luật BVMT năm 2014	Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm	Phối hợp với các đơn vị có chuyên môn thực hiện công tác lấy mẫu, phân tích đánh giá chất lượng môi trường trên địa bàn huyện	Báo cáo kết quả quan trắc môi trường, đề xuất các giải pháp xử lý ô nhiễm phù hợp với các khu vực có nguy cơ bị ô nhiễm	Phòng TN&MT phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan để thực hiện	2020-2022		450		150	150	150
8.2	Hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn		Giảm thiểu khả năng gây ô nhiễm từ chất thải rắn, xây dựng nếp sống văn minh và tạo môi trường sống xanh - sạch - đẹp	Hỗ trợ việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại bãi chôn lấp	Đảm bảo thực hiện đạt chỉ tiêu về tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn	UBND các xã, thị trấn Đắk Mâm	2020-2022		5667	1.317	1.400	1.450	1.500
8.3	Hợp đồng lao động và nghiệp vụ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về BVMT		Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về BVMT			Phòng TN&MT	2020-2022		225		75	75	75
8.4	Thanh tra, kiểm tra công tác BVMT	Luật BVMT năm 2014	Thi hành pháp luật về BVMT			UBND huyện Krông Nô	2020		210		70	70	70
8.5	Công tác truyền thông, phổ biến pháp luật về BVMT	Luật BVMT năm 2014	Nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân	In ấn băng rôn, khẩu hiệu, tờ rơi, áp phích tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Nhận thức của người dân về BVMT được nâng cao	Phòng TN&MT phối hợp với các đơn vị có liên quan	2020		450		150	150	150
8.6	Chi mua thiết bị BVMT		Nâng cao hiệu quả BVMT của các tổ chức, cá nhân	Hỗ trợ cho đơn vị thu gom, UBND các xã, phường, thị trấn	Mua thùng rác, thiết bị thu gom, vận chuyển...	UBND huyện Krông Nô	2020-2022		1500		500	500	500
8.7	Chỉ hỗ trợ xử lý sự cố môi trường, các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Luật BVMT năm 2014	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường	Cơ quan chuyên môn thực hiện và hỗ trợ cho các xã, phường, thị trấn	Môi trường đã được xử lý triệt để	Phòng TN&MT, UBND các xã, TT Đắk Mâm và các đơn vị có liên quan	2020-2022		660		220	220	220
III	Kế hoạch của các Sở, Ban, ngành							12.250	38.303	180	15.609	14.079	11.436
I	Ban quản lý các khu công nghiệp								816,9	180	223,7	206,6	206,6
1.1	Kiểm tra tình hình thực hiện công tác BVMT		Phát hiện những tồn tại về công tác BVMT của doanh nghiệp và đề ra các giải pháp, yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện	Kiểm tra thực tế tại các doanh nghiệp	Các văn bản yêu cầu các doanh nghiệp thực hiện các tồn tại trong công tác BVMT		2020-2022		290,7		96,9	96,9	96,9
1.2	Học tập kinh nghiệm về công tác quản lý Nhà nước về BVMT khu công nghiệp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp của một số tỉnh	Luật BVMT năm 2014	Nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức trong quản lý môi trường		Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức	Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	2020-2022		37,4		37,4		
1.3	Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về BVMT do cơ quan Trung ương tổ chức	Luật BVMT năm 2014	Nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức trong quản lý môi trường		Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức		2020-2022		30		10	10	10
1.4	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT cho các doanh nghiệp khu công nghiệp	Luật BVMT năm 2014	Nâng cao nhận thức trong công tác BVMT của các doanh nghiệp		Nâng cao nhận thức về BVMT đối với các doanh nghiệp		2020-2022		171		49,	61	61

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lấy kể đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Tính phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
1.5	Công tác truyền thông môi trường (ra quân hướng ứng ngày môi trường thế giới, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn)	Luật BVMT 2014;	Nâng cao nhận thức trong cộng tác BVMT của các doanh nghiệp	Tổ chức tập huấn	Nâng cao nhận thức về BVMT đối với các doanh nghiệp	Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	2020-2022		108		30,4	38,7	38,7
2	Sơ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn								1.266	0	645	442	179
2.1	Chương trình điều tra chất lượng nguồn nước tại các công trình thủy lợi	Chỉ thị số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; Chỉ thị số 9729/CT-BNN-KHCN ngày 17/11/2016 của Bộ NN&PTNT		Điều tra đánh giá mức độ xả thải từ công trình giao thông, công nghiệp, dân sinh xuống một số hồ chứa trên địa bàn toàn tỉnh. Lấy mẫu, kiểm tra ngẫu nhiên, phân tích đưa ra kết luận, khuyến cáo, đề xuất xử lý tình trạng ô nhiễm tại các hồ chứa		Chi cục Thủy lợi phối hợp với Công ty TNHH MTV khai thác công trình Thủy lợi và các huyện, thị	2020-2021		907		545	362	
2.2	Tập huấn BVMT, bảo vệ nguồn nước trên toàn tỉnh			Tập huấn BVMT từ các công trình thủy lợi		Chi cục Thủy lợi	2022		109				109
2.3	Tập huấn tuyên truyền giáo dục nhận thức cộng đồng về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	QĐ 201/QĐ-UBND, ngày 5/2/2019				Chi cục Phát triển Nông nghiệp	2020-2022		250		100	80	70
3	Sơ Y tế							12.250	22.141	0	9.160	9.480	6.501
3.1	Hoàn thiện hồ sơ môi trường các Trạm Y tế, Trung tâm Y tế huyện	Luật BVMT 2014	Bổ sung hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý BVMT cho các cơ sở trạm y tế	Xây dựng hồ sơ môi trường các Trạm Y tế	Hồ sơ môi trường	Trung tâm Y tế huyện, thị xã		3.000			1.000	1000	1000
3.2	Điều tra quan trắc, giám sát môi trường định kỳ	Khoản 7 Điều 12 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ	Quan trắc, giám sát các thông số ô nhiễm trong chất thải phát sinh, có biện pháp giảm thiểu khác phục BVMT	Lấy mẫu, phân tích nước thải, khí thải để kiểm tra thông số theo quy chuẩn cho phép	Báo cáo kết quả quan trắc giám sát môi trường định kỳ cho cơ quan quản lý theo quy định	TTYT huyện, thị xã, các đơn vị tuyến tỉnh	2020-2022		1.350		450	450	450
3.3	Đầu tư nâng cấp xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho TTYT huyện Đắk Song						2020-2022	7.500			2.500	2.500	2.500
3.4	Hỗ trợ công tác xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo QĐ số 1788/QĐ-TTg	Công văn số 5629/UBND-NN ngày 11/11/2015 về việc thực hiện QĐ số 1788/QĐ-TTg về kế hoạch xử lý triệt để cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	Xây dựng đề án điều tra, khảo sát phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm môi trường các cơ sở bệnh viện (cũ) để đề xuất giải pháp xử lý triệt để theo quy định.				2020-2021	1.750	1.750		1.050	700	
3.5	Hỗ trợ xây dựng Hệ thống xử lý nước thải cho trạm y tế	Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ	Xây dựng công trình xử lý nước thải	Lập hồ sơ thiết kế, mua sắm thiết bị xây dựng công trình	Hệ thống xử lý nước thải	Trạm y tế xã, phường	2020-2022		4.800		2.250	2.550	
3.6	Duy tu bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải tại các TTYT						2020-2022		2.280		600	800	880
3.7	Sửa chữa lò đốt rác thải tại các đơn vị						2020-2022		2.020		600	660	760

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí		Lấy kế đến hết năm 2019	Kinh phí năm 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí năm 2022
								Trung ương	Địa phương				
3.8	Xử lý chất thải rắn thông thường	Xử lý chất thải rắn thông thường					2020-2022		1.770	-	510	600	660
3.9	Tập huấn cán bộ về công tác quản lý chất thải y tế						2020-2022		340		100	110	130
3.10	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh						2020-2022		330		100	110	120
4	Sở Giáo dục và Đào tạo								600		100	200	300
4.1	Nhiệm vụ tập huấn	Quy định của Bộ GDĐT	100% trường THPT, THCS được tập huấn	Phương pháp giáo dục BVMT theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học	Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục BVMT	Sở Giáo dục và Đào tạo	8/2020		300		50	100	150
4.2	Nhiệm vụ thông tin truyền thông	Quy định của Bộ GDĐT, Bộ TNMT	100% trường THPT, THCS được thực hiện nhiệm vụ truyền thông	Pháp luật BVMT, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, triển khai các điều ước quốc tế liên quan đến giáo dục và BVMT theo hướng phát triển bền vững	Nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và học sinh về BVMT	Sở Giáo dục và Đào tạo và các Trường THCS, THPT	4/2020		300		50	100	150
5	Báo Đắk Nông								750		250	250	250
	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT	Luật BVMT năm 2014				Báo Đắk Nông	2020-2022		750	0	250	250	250
6	Công an tỉnh Đắk Nông								12.730		5.230	3.500	4.000
6.1	Phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học; hỗ trợ nhiên liệu nắm bắt tình hình các cơ sở gây ô nhiễm								500		500		
6.2	Công tác phát hiện điều tra xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật BVMT								650		650		
6.3	Mua sắm thiết bị, hóa chất, sửa chữa máy móc, kiểm định thiết bị môi trường								560		560		
6.4	Công tác kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý chất thải của Công an tỉnh								250		250		
6.5	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT								280		280		
6.6	Phòng chống tội phạm về môi trường								10.490		2.990	3.500	4.000
	Tổng							261.150	203.309	16.234	184.332,5	183.407,9	61.935,5